

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ PHÁT TRIỂN
NGUỒN NHÂN LỰC VTT**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC VTT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VTT HUMAN RESOURCE DEVELOPMENT AND INTERNATIONAL COMMERCE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107830130

3. Ngày thành lập: 04/05/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 10M ngách 25 ngõ 91 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Giáo dục mầm non	8510
2.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Hoạt động cho thuê lại lao động	7830
3.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
4.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
5.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kính thuốc); Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773

6.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
7.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
8.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
9.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
10.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
11.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
13.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
14.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác.	4659
17.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
18.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
19.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
20.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
21.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lá trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
22.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
23.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
24.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
25.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
26.	Tái chế phế liệu	3830
27.	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Dạy nghề	8532(Chính)
28.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
29.	Bán buôn đồ uống	4633

30.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
31.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
32.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
33.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
34.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
35.	Xây dựng công trình công ích	4220
36.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
37.	Phá dỡ	4311
38.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh./.	8299
40.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
41.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy máy tính.	8559
42.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
43.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
44.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
45.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
46.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
47.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
48.	Thu gom rác thải độc hại	3812
49.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
50.	Bán buôn gạo	4631
51.	Bán buôn thực phẩm	4632
52.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
53.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

54.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
55.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
56.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
57.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
58.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học	8560
59.	Bán mô tô, xe máy	4541
60.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
61.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
62.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
63.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
64.	Xây dựng nhà các loại	4100
65.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
66.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
67.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
68.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150

6. Vốn điều lệ: 8.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ VINH	Số 10M ngách 25 ngõ 92 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	280.000	2.800.000.000	35,000	B2000729	
			Tổng số	280.000	2.800.000.000	35,000		
2	VŨ THỊ XUÂN TÌNH	Tổ 20 cụm 5, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	280.000	2.800.000.000	35,000	B1674394	
			Tổng số	280.000	2.800.000.000	35,000		
3	LÊ THANH TÙNG	Khu 10, Xã Tiên Kiên, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	240.000	2.400.000.000	30,000	B2892514	
			Tổng số	240.000	2.400.000.000	30,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ THỊ XUÂN TÌNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 10/10/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B1674394

Ngày cấp: 14/11/2007

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 20 cụm 5, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 20 cụm 5, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội